

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 07 - 6- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyện.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bàn Thị Ba, bà Phùng Thị Thương, ông Trần Quyết Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Yên - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại Phòng xử án Hình sự, trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 08/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Lầu Mí C, sinh ngày 01/01/1979 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số 0xxxxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 01/5/2021; nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu Nhà P (đã chết) và bà Già Thị M, sinh năm 1956; Vợ: Vừ Thị G, sinh năm 1982; Con: có 06 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Có mặt.

2. Ly Mí P, sinh ngày 05/10/1978 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số 0xxxxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 02/7/2021; nơi ĐKKHKT: Thôn Thôn V, xã K huyện M, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn Thôn V, xã K huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ly Dũng V (đã chết) và bà Giàng Thị N (đã chết); Vợ: Vừ Thị M, sinh năm 1971; Con: có 07 con; con

lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Có mặt.

3. Sùng Mí L, sinh ngày 01/01/1977 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số 0xxxxxxxxx do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 11/8/2021; nơi ĐKKHKT: Thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Mí C (*đã chết*) và bà Vàng Thị S, sinh năm 1957; Vợ: Vàng Thị D, sinh năm 1973; Con: có 01 con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Có mặt.

4. Sùng Mí S, sinh ngày 01/6/1979 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số 0xxxxxxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ công an cấp ngày 04/11/2022; nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Chá P (*đã chết*) và Và Thị M (*đã chết*); Vợ: Già Thị L, sinh năm 1976; Con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/02/2005, Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tuyên phạt 06 tháng tù về tội Ca chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Ngày 23/8/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 08 năm tù về tội Giết người. Chấp hành án xong ngày 25/01/2022;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/8/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lầu Mí C*: Bà Trần Thị Phương N, sinh năm 1983 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ly Mí P, Sùng Mí S*: Ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1981 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do.

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí L*: Ông Nguyễn Phương V, bà Vũ Thị L - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Hợp Phúc; địa chỉ: Số 6A, ngõ 24 Võ Chí Công, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại*: Chị Lầu Thị C1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt có lý do.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:*

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1981 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; Có mặt.

+ Ông Tạ Ngọc V, sinh năm 1982 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Tạ Vân và Cộng sự; địa chỉ: Số 879 Hồng Hà, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người làm Cng:* Bà Và Thị C2, ông Vừ Mí Đ, bà Già Thị O. Vắng mặt có lý do; bà R Thị D có mặt.

- *Người phiên dịch:* Anh Sùng Mí X, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang tiếp nhận tố giác về tội phạm của chị Lầu Thị C1, sinh ngày 01/9/1993, trú tại Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang về việc Lầu Mí C, sinh năm 1979, trú tại Thôn P, xã K, huyện M, Hà Giang; Ly Mí P, sinh năm 1978; trú tại thôn Thôn V, xã K huyện M, tỉnh Hà Giang và hai đối tượng khác không biết họ tên, tuổi, địa chỉ có hành vi lừa đưa Lầu Thị C1, Hầu Thị B, sinh năm 1991; Vừ Thị M3, sinh năm 1992 và Lầu Thị M4, sinh năm 1993, trú cùng thôn bán cho người Trung Quốc mua về làm vợ. Vào tháng 4 năm 2023, Công an Trung Quốc đã trao trả Cáy về Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế TT, huyện V, tỉnh Hà Giang.

Tại cơ quan điều tra các đối tượng đã khai nhận: Khoảng tháng 12/2008 (không nhớ ngày), Lầu Mí C, sinh ngày 01/01/1979; trú tại Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang sang nhà chị Vừ Thị M3, sinh năm 1992, trú cùng thôn giúp làm nương để trồng ngô có gặp Hầu Thị B, sinh năm 1991 (bạn của M3) cùng đến giúp gia đình chị M3. Trong lúc nghỉ giải lao C nghe thấy B và M3 nói chuyện với nhau sau vụ mùa trồng ngô xong rảnh việc muốn đi Trung Quốc tìm việc làm thuê kiếm tiền. Đến đầu tháng 01/2009, C sang nhà mẹ đẻ là R Thị D, sinh năm 1965, trú tại P Ngần, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang thì thấy Cáy, B và M3 đến chơi với Lầu Thị M4 (M4 là em gái ruột của C), lúc đó M3 hỏi C “*biết đường đi sang Trung Quốc không để dẫn đi*”. C nói “*không biết đường đi*”, sau đó C đi về nhà. Sau khi biết M3 và mọi người muốn sang Trung Quốc tìm việc làm thuê, C nảy sinh ý định đưa sang Trung Quốc cho lấy chồng để có tiền, nên C tìm gặp Ly Mí P, sinh năm 1978; trú tại thôn Thôn V, xã K huyện M, tỉnh Hà Giang hỏi P “*có biết ai bên Trung Quốc không để đưa em gái sang lấy chồng*”,

P trả lời là “*không có, để hỏi L ở thị trấn M hay đi chợ nên nó biết, để hỏi nó xem*”. Sau đó, P đi xe máy đến nhà Sùng Mí L, sinh năm 1977, trú tại thôn C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang hỏi xem có biết đường sang Trung Quốc không vì bạn L có một người con gái muốn sang Trung Quốc làm thuê nhưng không biết đường đi, L nhớ ra có Sùng Mí S, sinh năm 1979, trú tại Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang, L gọi điện thoại di động cho S hỏi “*có biết đường đi sang Trung Quốc không vì có em gái của bạn muốn đi Trung Quốc lấy chồng*”, S trả lời “*để hỏi đã, có gì sẽ gọi cho L*”. Sau đó, S gọi điện thoại cho Thò Mí D (là người Trung Quốc, anh em họ của S) hỏi D tìm người có ai lấy gái Việt Nam về làm vợ không, D bảo “*có, lúc nào có người đi thì gọi cho D về gần biên giới đón*”. S gọi điện cho L nói “*lúc nào có người đi thì gọi, bên Trung Quốc có người đồng ý rồi*”. L nói với P là đưa đi được. Một ngày sau, P gặp C tại phiên chợ xã K, P nói với C về việc L có quen S đưa người sang Trung Quốc được, C nói với P bây giờ thêm ba người con gái nữa cũng muốn đi có được không. Hôm sau P đi xe máy ra nhà L, P hỏi “*bây giờ có bốn đứa con gái thì có đi được không*”, L gọi điện thoại di động cho S hỏi có bốn đứa con gái có đi được không, S trả lời vẫn đưa đi được. P hỏi L “*đưa bốn đứa con gái sang Trung Quốc thì được bao nhiêu tiền*”, L trả lời “*không biết, phải gặp S hỏi thì mới biết được*”. P đi về nhà, một hôm sau C gặp P hỏi liệu đưa cả bốn đứa có đi được không? P trả lời đi được, C lại hỏi P “*đưa bốn đứa đi thì được bao nhiêu tiền*”, P nói với C là L bảo không biết. Một hôm sau (vào ngày thứ 6 tháng 01/2009, không nhớ ngày), P điều khiển xe máy chở C đến nhà L, C hỏi L “*đưa bốn đứa sang Trung Quốc lấy chồng được bao nhiêu tiền*”, L trả lời C là không biết, S nói “*phải đưa chúng nó sang Trung Quốc xem mặt thì mới biết được*”. C nói “*mấy đứa con gái chơi thân với nhau, hay cùng nhau đi chợ thị trấn M, thứ 7 chúng nó sẽ đi ra nhà người quen ở xã Lũng Pù ngủ, để sáng hôm sau cùng nhau đi chợ thị trấn M, mình đón chúng nó đưa đi Trung Quốc được không*”, L gọi điện cho S hỏi thì S đồng ý và hẹn trưa thứ 7 sẽ đi đón, L nói lại với P và C để chuẩn bị đón người đưa đi Trung Quốc, sau đó P và C đi về. S gọi điện thoại cho Thò Mí D (là người dân tộc Mông Trung Quốc anh em họ hàng xa với S, S không biết địa chỉ nhà D ở đâu tại Trung Quốc, hiện nay S không còn nhớ số điện thoại của D), để trao đổi việc đưa 04 phụ nữ sang Trung Quốc bán cho D và hẹn D đón tại Mốc 462 biên giới thuộc Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang, D đồng ý.

Đến khoảng 15 giờ chiều thứ 7 (không nhớ ngày, khoảng tháng 01/2009), C thấy em gái M4 cùng Cáy, B và M3 đi bộ từ nhà hướng ra xã Lũng Pù, do C không có điện thoại di động, không có xe máy nên C một mình đi bộ theo sau. Khi đến trung tâm xã K C gặp P đi xe máy nhãn hiệu Honda loại Win 100 màu

son xanh (không nhớ biển kiểm soát) đang ở gần chợ xã K, C nói bốn đứa chúng nó đang đi bộ trước tao một đoạn, P nói với C tao cũng bảo thằng L rồi, chúng nó đang vào sau, P chờ C cùng đi ra xã Lũng Pù, khoảng 18 giờ đến khu vực thôn Quán Xí, xã Lũng Pù thì gặp Cáy, B, M3 và M4 đang đi bộ, do trời tiết lạnh nên đều mặc áo váy ấm, đầu đội khăn trùm kín nửa mặt, C gọi “M4 à”, M4 nhận ra giọng C và trả lời “vâng”, lúc này P cũng thấy M3 là em ruột vợ của P nên hỏi M3 “các em đang đi đâu đấy”, M3 nói “bọn em ra nhà người quen ở Lũng Pù ngủ, sáng mai đi chợ phiên thị trấn M cho gần”, P không muốn M3 bị đưa đi bán nên P nói với M3 “lên xe anh đưa đi”, M3 nói “không, em đi cùng các bạn cho vui”, lúc này L và S mỗi người đi một xe máy nhãn hiệu Honda loại Win (không nhớ biển kiểm soát) đến. Lúc đó C nói với bốn người con gái lên xe đi rồi cùng nhau ra thị trấn, S điều khiển xe máy chở B và M4 đi trước, L điều khiển xe máy chở M3 đi giữa, P điều khiển xe máy chở C và Cáy đi sau, đi ra thị trấn M, sau đó theo quốc lộ 4C đi qua xã Pả Vi hướng đi xã Pải Lũng, huyện M, đến lối rẽ đường mòn thì mọi người dừng xe lại, S và P đi vào một quán bán hàng tạp hoá cạnh đường để mua bánh, nước uống và S gửi xe máy tại một lán nhà dân gần đó, sau đó S quay lại chỗ mọi người nói từ đây đi là phải đi bộ đường khó đi, mà đi đông người sợ Biên phòng phát hiện sẽ bắt giữ, mọi người quay về trước, để một mình S đưa mấy đứa con gái đi, sau đó S nói nhỏ với C và P mấy hôm nữa ra nhà thằng L lấy tiền, C đồng ý và đến chỗ Cáy, B, M3, M4 nói bây giờ các em đi theo bố Tủa sang Trung Quốc, anh và mọi người đi đường khác sang sau, sau đó P, C, L đi về. S tiếp tục dẫn Cáy, B, M3 và M4 đi bộ theo đường mòn xuống bờ sông Nho Quế, sau đó qua cầu treo sang sông theo đường mòn đi lên đỉnh núi đến Mốc 462 biên giới thuộc Thôn S, xã T, huyện M thì dừng lại, S gọi điện thoại cho Thò Mí D đến đón đến nhà người quen của D (S không biết địa chỉ), D thỏa thuận mua Cáy, B, M3, M4 với giá 30.000 nhân dân tệ (tiền Trung Quốc), D đưa trước cho S 25.000 nhân dân tệ, còn nợ lại 5.000 nhân dân tệ hẹn trả sau, S đồng ý nhận tiền. Ngày hôm sau, S nói với Cáy, B, M3 và M4 các em cứ ở lại đây, anh đi đón mấy anh kia rồi quay lại, mọi người tin nên đồng ý ở lại. Sau đó D thuê người chở S bằng xe máy ra biên giới để S tự đi bộ qua Mốc 465 thuộc thôn Mỏ Phàng, xã Thượng Phùng, huyện M để về nhà. Hôm sau S mang 25.000 nhân dân tệ đến chợ Thèn Phùng, Phú Ninh, Vân Nam, Trung Quốc để đổi ra tiền Việt Nam được 77 triệu đồng (gồm mệnh giá 100.000 đồng và 50.000 đồng), sau đó S mang về nhà và điện thoại cho L hẹn đến nhà S lấy tiền, L đồng ý, hôm sau một mình L đi xe máy đến nhà S lấy tiền, khi đó S giữ lại 27.000.000 đồng và nói với L mấy đứa kia xấu quá bán không được giá đâu, được bằng này thôi chúng mày cầm về mà chia nhau, L nhận tiền và đếm được 50 triệu đồng (loại mệnh giá 100.000 đồng và 50.000 đồng) rồi đi

về. Khoảng một tuần sau L cùng vợ đi chợ xã K, huyện M, L gặp P nói bán được mấy đĩa kia rồi, mai ra nhà L lấy tiền, P đồng ý, hôm đó C cũng đi chợ phiên xã K gặp P, khi gặp nhau P nói với C “*tao vừa gặp thằng L, nó nói ra nhà nó lấy tiền*”, C đồng ý. Hôm sau P điều khiển xe máy chở C cùng ra thị trấn M đến nhà L, khi gặp nhau P hỏi “*bán mấy đĩa kia được bao nhiêu tiền*”, L không nói gì, L giữ lại 30 triệu đồng, L lấy một tập tiền được buộc bằng dây chun loại mệnh giá 50.000 đồng mang ra nói mấy đĩa kia chỉ bán được có bằng này thôi, mỗi người được 10 triệu, nói xong L đưa tập tiền (loại mệnh giá 50.000 đồng) cho C rồi đi ra ngoài, C và P không đếm mà ra lấy xe máy đi về nhà, khi về đến xã K C lấy tiền ra đếm được tổng là 20 triệu đồng, C và P chia nhau mỗi người được 10 triệu đồng.

Ngày hôm sau (không xác định ngày cụ thể) D gọi người đến xem mặt Cáy, B, M3, M4 để mua về làm vợ. Khoảng một tháng sau thì gia đình Cáy, B, M3 biết bị P và C đưa sang Trung Quốc đã đến gặp P và C yêu cầu phải đi đón Cáy, B, M3 trở về Việt Nam, P và C nói các em ấy muốn đi Trung Quốc làm thuê, còn việc có ở lại lấy chồng hay không thì không biết, P và C xin lỗi và bồi thường tiền cho các gia đình, cụ thể: C đã bồi thường cho mẹ đẻ của Lầu Thị C1 (là bà R Thị D) với số tiền 4.500.000 đồng. P bồi thường cho bố đẻ Vừ Thị M3 (là anh Vừ Vá C, đã chết) số tiền 20.000.000 đồng. Sau đó P và C đi ra thị trấn M gặp L và nói cho L biết gia đình mấy người con gái biết đưa con họ sang Trung Quốc bán nên phải bồi thường tiền, nhưng thiếu tiền nên bảo L hỗ trợ thêm một ít nữa, L đồng ý lấy 10 triệu đưa cho P và bảo P và C giải quyết dứt điểm đi, đừng để lộ ra, C và P đồng ý cùng nhau cầm tiền đi về. Việc C, P tự nguyện bồi thường số tiền trên cho các gia đình bị hại không có ai Cng kiến, không viết giấy tờ giao, nhận tiền, do không hiểu biết pháp luật nên các gia đình cũng không mang số tiền trên nộp và trình báo với Công an. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, bị hại Cáy và gia đình của M3 đã khẳng định được nhận số tiền bồi thường trên.

Đối với bị hại Lầu Thị C1, sau khi bị lừa bán sang Trung Quốc đã bị Thò Mí D người Trung Quốc bán cho một người đàn ông tên là Phan Tổ Minh, sinh năm 1985, dân tộc Hán, trú tại thôn Phầm Lạc, trấn Mã Nhai, huyện Malypho, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc mua về làm vợ. Đến tháng 4/2023, Công an Trung Quốc kiểm tra hành chính phát hiện Cáy không có giấy tờ hợp pháp nên trục xuất, trao trả về Việt Nam qua cửa khẩu Quốc tế TT, huyện V.

Ngày 22/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang gửi Hàm thư đến Cục Công an Châu Vân Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; Ngày 23/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang có văn bản đề nghị Cục Đối ngoại, Bộ Công an gửi Hàm thư đến Công an Trung Quốc đề nghị phối

hợp điều tra, xác minh đối với các đối tượng Thò Mí D, Phan Tổ Minh; đồng tRi xác minh, giải cứu các bị hại R Thị B, Vừ Thị M3, Lầu Thị M4, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

Văn bản số 1107/HAG-TH ngày 09/10/2023 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tỉ lệ tính chéo của đồng Việt Nam (VND) với Nhân dân tệ (CNY) tại tRi điểm cuối tháng 01/2009 là $01 \text{ CNY} = 2.482,34 \text{ VND}$.

Căn cứ bản sao sổ hộ khẩu gia đình của bị hại Lầu Thị C1, số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư xác định bị hại Lầu Thị C1 sinh ngày 01/9/1993.

Ngày 16/5/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định yêu cầu giám định độ tuổi của bị hại Lầu Thị C1. Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 17/KLGĐĐT/PYQG ngày 29/5/2024 của Viện Pháp Y Quốc gia xác định Lầu Thị C1 có độ tuổi từ 25 năm đến 31 năm (tại tRi điểm giám định ngày 17/5/2024). Tại tRi điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (tháng 01/2009) bị hại Lầu Thị C1 được 15 năm 04 tháng tuổi.

Cáo trạng số 34/CT-VKS-P2 ngày 29/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S về tội “Mua bán trẻ em” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo C, P, L, S khai nhận: Lợi dụng việc bị hại đang có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm thuê, nên bị cáo Lầu Mí C đã trao đổi và bàn bạc cùng Ly Mí P tìm người Trung Quốc mua phụ nữ Việt Nam, P nhất trí và đến hỏi bị cáo Sùng Mí L, L lại đến hỏi Sùng Mí S để lừa bán bị hại Lầu Thị C1, sinh ngày 01/9/1993, trú tại Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang sang Trung Quốc lấy tiền. Sau khi tìm được người mua các bị cáo đã thống nhất vào khoảng tháng 01/2009 (không nhớ ngày), các bị cáo C, P, L, S lừa bị hại Cáy đến khu vực đường mòn khu vực biên giới Mốc 462 thuộc Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Các bị cáo C, P, L quay về còn bị cáo S một mình đưa bị hại sang Trung Quốc bán cho Thò Mí D (dân tộc Mông, người Trung Quốc) được 25.000 nhân dân tệ, S đổi ra tiền Việt Nam được 77 triệu đồng. Số tiền này S được hưởng lợi 27.000.000 đồng, L được hưởng lợi 30.000.000 đồng, P, C mỗi người được hưởng 10.000.000 đồng.

Bị hại Lầu Thị C1 vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa thay mặt HĐXX công bố lời khai của bị hại Cáy: Vào tháng 01 năm 2009 bị hại Cáy đã bị các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S lừa sang Trung Quốc bán cho người đàn ông Trung Quốc mua về làm vợ, bị hại Cáy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định của pháp luật; phần bồi thường

trách nhiệm dân sự gia đình các bị cáo đã bồi thường cho chị Cáy nên chị không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát, xét xử tại phiên tòa; luận tội các bị cáo, đưa ra các Cng cứ, tài liệu Cng minh hành vi phạm tội của các bị cáo; giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S về tội danh và điều luật truy tố; phân tích về tính chất, hậu quả của tội phạm và vai trò của từng bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S phạm tội “Mua bán trẻ em”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Lầu Mí C từ 11 năm đến 12 năm tù. TRi hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/7/2023).

- Xử phạt bị cáo Ly Mí P từ 10 năm đến 11 năm tù. TRi hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/7/2023).

- Xử phạt bị cáo Sùng Mí L từ 10 năm đến 11 năm tù. TRi hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/7/2023).

+ Xử phạt bị cáo Sùng Mí S từ 10 năm đến 11 năm tù. TRi hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/8/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại đã bồi thường xong.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị truy thu số tiền 77.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước do phạm tội mà có. Trong đó, truy thu của bị cáo Lầu Mí C số tiền 10.000.000 đồng, Ly Mí P số tiền 10.000.000 đồng, Sùng Mí S số tiền 27.000.000 đồng, Sùng Mí L số tiền 30.000.000 đồng trừ 10.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án tỉnh Hà Giang, bị cáo L còn phải nộp số tiền 20.000.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Lầu Mí C, bà Trần Thị Phương N - Trợ giúp viên pháp lý vắng mặt, chủ tọa thay mặt HĐXX công bố bản luận cứ: Nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo C về tội “*Mua bán trẻ em*” là đúng người, đúng tội; nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo Lầu Mí C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo C thành khẩn khai báo trung thực, bản thân bị cáo đã bồi thường cho bị hại và tác động gia đình bồi thường thêm cho bị hại Lầu Thị C1 với tổng số tiền 9.500.000 đồng; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không được đi học nên không hiểu biết pháp luật. Ngoài ra, xét về vai trò của bị cáo C trong vụ án này thấy bị cáo C không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ trực tiếp, không có tính chuyên nghiệp, tuy bị cáo là người nảy sinh ý định lừa bán các bị hại, nhưng bị cáo không tham gia việc đưa các bị hại đến biên giới, không tham gia việc giao người tại biên giới, không trực tiếp thỏa thuận và nhận tiền, không trực tiếp phân chia số tiền do bán các bị hại mà bị cáo được nhận tiền do người khác chia cho mình mà có. Do vậy, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 tuyên bị cáo Lầu Mí C phạm tội “*Mua bán trẻ em*” theo điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 11 năm 06 tháng đến 12 năm tù; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại với số tiền 9.500.000 đồng vào ngày 14/3/2024, bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản gì khác, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lầu Mí C.

Người bào chữa cho các bị cáo Ly Mí P, Sùng Mí S, ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý vắng mặt chủ tọa thay mặt HĐXX công bố bản luận cứ: Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo C, L về tội “*Mua bán trẻ em*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội; nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh các bị cáo phạm tội, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không được học hành, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện đã lâu; các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại. Do vậy, đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật

Hình sự xử phạt các bị cáo Ly Mí P, Sùng Mí S 10 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tích cực tác động tới gia đình thực hiện bồi thường cho bị hại, vào ngày 14/3/2024 gia đình bị cáo Sùng Mí S bồi thường cho bị hại Cáy số tiền 5.000.000 đồng, gia đình bị cáo Ly Mí P bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000 đồng, bị hại xác nhận đã nhận tiền và không có yêu cầu gì thêm, đề nghị HĐXX công nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí L - Luật sư Nguyễn Phương Việt trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Sùng Mí L về tội “*Mua bán trẻ em*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 là chưa khách quan, cụ thể:

Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã vi phạm nghiêm trọng tố tụng như cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã thu thập tài liệu, Cng cứ liên quan đến vụ án nhưng không chuyển cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, các tài liệu Cng cứ không đóng dấu bút lục của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang (các bút lục 204a-204đ, 196-198, 207-208, 209-211, 212-213, 214-216, 217-218, 223-225, 226-227, 228-229, 230-231, 232-233, 252-254, 255-256; 272, 14, 16); cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang không thực hiện Trung cầu giám định để xác định độ tuổi của chị Lầu Thị C1; có dấu hiệu cho thấy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của ông Vừ Xúa L, ông Phàn Văn Sàng, bà R Thị D, bà Và Thị C2, ông Vừ Mí Đ có dấu hiệu phạm tội “*Không tố giác tội phạm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 314 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về nội dung: Việc Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang nhận định bị cáo Sùng Mí L lợi dụng việc chị Lầu Thị C1 có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm thuê để lừa bán chị Cáy là không khách quan bởi bị cáo Sùng Mí L không quen biết chị Cáy, không phải là người trực tiếp trao đổi thông tin với bị cáo C cũng như không biết về việc bị cáo C có mục đích lừa bán chị Cáy sang Trung Quốc làm vợ (thể hiện tại bút lục 226-238, 242-243, 305-206, 221-222, 234-235).

Xác định độ tuổi của bị hại Lầu Thị C1 sinh năm 1993 chưa chính xác vì em gái của bị hại Cáy là chị Lầu Thị R theo căn cước công dân số 002189002576 cấp ngày 01/05/2021 có thông tin chị Lầu Thị R sinh ngày 01/09/1989, nơi thường trú thôn Sáo Tỷ, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Từ những lập luận trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, c, d khoản 1 Điều 280 BLTTHS 2015; điểm m khoản 1 Điều 3; điểm k l khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22 tháng 12 năm 2017 quy định việc phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện một số quy định của bộ luật tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung ra Quyết định trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang để điều tra bổ sung vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí L - Luật sư Vũ Thị Liên trình bày: Nhất trí với quan điểm của Luật sư Nguyễn Phương Việt đã phát biểu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lầu Thị C1 - Ông Tạ Ngọc Vân trình bày: Nhất trí với quan điểm của HĐXX và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về tội danh, áp dụng điều luật và mức hình phạt đưa ra. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo và gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại (có biên nhận kèm theo), bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm khoản gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lầu Thị C1 - bà Nguyễn Thị Lan trình bày: Nhất trí với quan điểm của luật sư Tạ Ngọc Vân phát biểu tại phiên tòa.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhất trí với bản luận tội và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa, nhất trí với nội dung bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý và Luật sư bào chữa cho các bị cáo, không có ý kiến bổ sung và không có tranh luận.

Luật sư Tạ Ngọc Vân đối đáp quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Sùng Mí L: Không nhất trí với quan điểm của Luật sư Nguyễn Phương Việt về yêu cầu khởi tố bổ sung tội “*Không tố giác tội phạm*”, bởi lẽ tại tRi điểm năm 2009 bị hại đang ở Trung Quốc, khi đó không có căn cứ xác định có hành vi phạm tội diễn ra hay không mà chỉ có thể xác minh qua lời khai của các bị cáo. Vì vậy ngay cả khi bị cáo thừa nhận có sự việc phạm tội diễn ra thì cũng không thể xét xử được do lúc đó bị hại không có mặt ở Việt Nam. Về độ tuổi của bị hại, cơ quan điều tra đã thu thập lời khai của mẹ bị hại với thông tin về tên và tRi điểm sinh trùng khớp với thông tin trong sổ hộ khẩu và các giấy tờ khác. Ngoài ra các văn bản khác có liên quan đều đã hết hiệu lực nên không có giá trị Cng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối đáp: Viện kiểm sát khẳng định việc thu thập tài liệu Cng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thu thập đầy đủ, đối với tài liệu Kiểm sát viên không giám sát thực hiện đều có biên bản giao nhận. Cơ quan điều tra đã thực hiện trung cầu giám định độ tuổi của bị hại đã có kết quả giám định pháp y về độ tuổi bị hại, cùng các tài liệu, Cng cứ đã thu thập đủ để làm căn cứ xác định độ tuổi của bị hại. Về dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, căn

cứ Điều 314 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999 do các bị hại chưa trở về địa phương nên không đủ căn cứ để xác định tội danh.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi lừa đưa bị hại sang Trung Quốc bán để lấy tiền chia nhau là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, gửi lời xin lỗi đến bị hại Cáy, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/3/2024, căn cứ lời khai của các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P Sùng Mí L, Sùng Mí S, bị hại Lầu Thị C1 và các tài liệu, Căn cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện năm 2009 các bị cáo có hành vi lừa bán Lầu Thị C1, R Thị B, Lầu Thị M3, Vừ Thị M4 sang Trung Quốc làm vợ. Nhận thấy có dấu hiệu các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đối với nhiều trẻ em theo điểm d khoản 2 điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999; đồng tRi cần làm rõ nhân thân, lý lịch của R Thị B để nhằm giải quyết triệt để vụ án. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 01/HSST-QĐ ngày 14/3/2024 về việc trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung việc các bị cáo có dấu hiệu phạm tội đối với nhiều trẻ em không; xác minh rõ nhân thân, lai lịch của R Thị B tại Công an xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang. Tại văn bản số 53/CV-VKS-P2 ngày 25/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã không chấp nhận Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án. Ngày 03/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã nộp bổ sung Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số:17/KLGĐĐT/PYQG ngày 29/5/2024 của Viện Pháp Y Quốc gia xác định Lầu Thị C1 có độ tuổi từ 25 năm đến 31 năm (tại tRi điểm giám định ngày 17/5/2024). Do đó, HĐXX căn cứ vào các Căn cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo, bị hại và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt những người làm Cng, bị hại, người bào chữa cho các bị cáo C, P, S, sau khi có ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo; xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 293, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo C, P, L, S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, biên bản nhận dạng, bản ảnh của bị hại cùng các bị cáo; biên bản xác định hiện trường, lời khai bản cung, phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lầu Mí C (từ bút lục số 205 đến bút lục số 220), Ly Mí P (từ bút lục 221 đến bút lục 235), Sùng Mí L (từ bút lục 236 đến bút lục 246), Sùng Mí S (từ bút lục 247 đến bút lục 258) lời khai của bị hại Lầu Thị C1 (từ bút lục số 191 đến 199); lời khai của người làm Cng (bút lục số 263 đến bút lục số 283); Biên bản nhận dạng (từ bút lục số 169 đến bút lục số 190); Biên bản đối chất (bút lục số 259 đến bút lục số 262). Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lầu Mí C lợi dụng việc bị hại Cáy đang có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm thuê nên đã trao đổi và bàn bạc thống nhất cùng Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S đến tháng 01/2009 (không nhớ ngày), C, P, L, S lừa bị hại Lầu Thị C1, sinh ngày 01/9/1993, trú tại Thôn P, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang đến khu vực đường mòn khu vực biên giới Mốc 462 thuộc Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. C, P, L quay về còn S một mình đưa bị hại sang Trung Quốc bán cho Thò Mí D (dân tộc Mông, người Trung Quốc) được 25.000 nhân dân tệ, S đổi ra tiền Việt Nam được 77 triệu đồng. Số tiền này S được hưởng lợi 27 triệu đồng, L được hưởng lợi 30 triệu đồng, P, C mỗi người được hưởng 10 triệu đồng. Tại tRi điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (tháng 01/2009) bị hại Lầu Thị C1 được 15 năm 04 tháng tuổi và Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 17/KLGDDT/PYQG ngày 29/5/2024 của Viện Pháp Y Quốc gia xác định Lầu Thị C1 có độ tuổi từ 25 năm đến 31 năm (tại tRi điểm giám định ngày 17/5/2024). Như vậy, hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Mua bán trẻ em” với tình tiết định khung “để đưa ra nước ngoài”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 120. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em.

“1. Người nào mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a)

đ) Để đưa ra nước ngoài;”

.....

[5] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến quyền tự do, danh dự, nhân phẩm của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, đặc biệt là trẻ em gái, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương cũng như vùng biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi “*Mua bán trẻ em*” là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi cá nhân, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, coi người phụ nữ như một loại hàng hoá để mua, bán kiếm lời; lợi dụng lòng tin của bị hại với mình, dùng thủ đoạn lừa bị hại đi Trung Quốc tìm việc làm tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo đưa được bị hại sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau. Hành vi của các bị cáo thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo được tính giáo dục các bị cáo, răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội, nhất là trong bối cảnh hiện nay, tội phạm đối với trẻ em đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp.

[6] Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện từ năm 2009 là tRi điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực thi hành và có khung hình phạt thấp hơn điều luật quy định trong Bộ luật hình sự năm 2015, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 xử lý hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[7] Xét về vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo C là người khởi xướng, khi biết bị hại Cáy có nhu cầu tìm việc làm thuê bên Trung Quốc đã nảy sinh ý định đưa bị hại Cáy sang Trung Quốc bán để lấy tiền, bị cáo C đã liên hệ với P tìm người quen biết bên Trung Quốc để bán bị hại Cáy lấy tiền và được P đồng ý, P đã liên hệ với L, L lại liên hệ với S để đưa người sang Trung Quốc bán; do đó bị cáo C được xác định là người chủ mưu khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội Mua bán trẻ em, bị cáo C giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất so với các bị cáo khác trong vụ án.

[8] Bị cáo P sau khi được được C rủ rê lừa Cáy sang Trung Quốc bán lấy tiền, P đã đồng ý và đi tìm bị cáo L bàn đưa người sang Trung Quốc bán, L đồng ý và L đến gặp bị cáo S để liên hệ người bên Trung Quốc tìm người mua. Khi S đã tìm được người bên Trung Quốc đồng ý mua người đã thông báo cho L biết, thông báo lại cho bị cáo P. Sau đó các bị cáo C, P, L, S thống nhất tRi gian địa điểm đưa Cáy, M4, B, Máy bằng xe máy qua Mốc 462 sang Trung Quốc bán lấy tiền về chia nhau. Do đó các bị cáo P, L, S phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực cùng với bị cáo C để đưa bị hại Cáy sang Trung Quốc bán. Vì vậy các bị cáo P, S, L phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, phải chịu mức án thấp hơn bị cáo C.

[9] Các bị cáo C, P, L, S phạm tội không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, có tính chất đồng phạm giản đơn, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thực hiện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; ngoài ra các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[12] Về nhân thân: Các bị cáo Lâu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L có nhân thân tốt, riêng bị cáo Sùng Mí S có nhân thân xấu: Ngày 24/02/2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn tuyên phạt 06 tháng tù về tội Ca chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; ngày 23/8/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 08 năm tù về tội Giết người (đã chấp hành án xong).

[13] Về hình phạt: Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có tRi hạn và Điều 50 về quyết định hình phạt, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một tRi gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, có như vậy mới đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo, đồng tRi góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm này tại địa phương.

[14] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, Cng cứ và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp

dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[15] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị hại Lầu Thị C1 yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho chị số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

[16] Bị cáo C đã bồi thường cho mẹ đẻ của Lầu Thị C1 (là bà R Thị D) với số tiền 4.500.000 đồng bị hại chị Lầu Thị C1 xác nhận đã nhận số tiền bồi thường vào khoảng tháng 2/2009. Ngày 14/3/2024 các bị cáo cùng gia đình đã bồi thường thêm cho bị hại Cáy tổng số tiền là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu đồng*), trong đó: Bị cáo Lầu Mí C bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), bị cáo Sùng Mí L bồi thường 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), bị cáo Sùng Mí S bồi thường 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), bị cáo Ly Mí P bồi thường 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Nay bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay bị hại Cáy không có yêu cầu bổ sung phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[17] Về vật Cng của vụ án: Cơ quan điều tra không thu được các phương tiện là xe mô tô, điện thoại của các bị cáo S dụng vào việc phạm tội, do vậy không xem xét, giải quyết.

[18] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định số tiền các bị cáo bán bị hại cho Thò Mí D (dân tộc Mông, người Trung Quốc) được 25.000 CNY, theo Văn bản số 1107/HAG-TH ngày 09/10/2023 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tỉ lệ tính chéo của đồng Việt Nam (VND) với Nhân dân tệ (CNY) tại tRi điểm cuối tháng 01/2009 là $01 \text{ CNY} = 2.482,34 \text{ VND} \times 25.000 \text{ CNY} = 62.058.500 \text{ đồng}$. Trên thực tế bị cáo S mang đổi 25.000 CNY ra tiền Việt Nam được 77.000.000đ (*Bảy mươi bảy triệu đồng*) theo thị trường cao hơn Ngân hàng.

[19] Do vậy, xét thấy cần chấp nhận giá đổi tiền thực tế các bị cáo đã nhận, để truy thu sung ngân sách nhà nước của các bị cáo, trong đó truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Sùng Mí S số tiền 27.000.000 đồng, bị cáo Ly Mí P phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo Lầu Mí C phải nộp số tiền 10.000.000 đồng; bị cáo Sùng Mí L phải nộp số tiền 30.000.000 đồng trừ số tiền 10.000.000 đồng bị cáo L còn phải nộp 20.000.000 đồng (*số tiền 10.000.000 đồng do Thào Thị Và nộp thay bị cáo theo biên lai thu tiền số 000082 ngày 27/2/2024 của Chi cục Thi hành án tỉnh Hà Giang*).

[20] Về án phí: Các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Do đó, cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn các khoản tiền án phí cho các bị cáo.

[21] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S về tội Mua bán trẻ em, quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phát biểu luận tội và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí đối với các bị cáo của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[22] Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo và phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại về cơ bản nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S phạm tội Mua bán trẻ em, phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

[23] Quan điểm của Luật sư đề trả hồ sơ điều tra bổ sung là không có căn cứ. Do vậy HĐXX không chấp nhận quan điểm của Luật sư Nguyễn Phương Việt là người bào chữa cho bị cáo L.

[24] Đối với các đối tượng Thò Mí D và Phan Tổ Minh: Ngày 22/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang gửi Hàm thư đến Cục Công an Châu Vân Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; Ngày 23/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang có văn bản đề nghị Cục Đối ngoại, Bộ Công an gửi Hàm thư đến Công an Trung Quốc đề nghị phối hợp điều tra, xác minh đối với các đối tượng Thò Mí D, Phan Tổ Minh; đồng tRi xác minh, giải cứu các bị hại R Thị B, Vừ Thị M3, Lầu Thị M4, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời. Để giải quyết vụ án được giải quyết theo đúng quy định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang không đề cập giải quyết đối với các đối tượng có liên quan trong vụ án này, mà tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[25] Kiến nghị cơ quan Công an huyện M, tỉnh Hà Giang thu hồi Căn cước công dân mang tên Lầu Thị R là em gái ruột của bị hại Lầu Thị C1 trong vụ án, trong CCCD số 002189002576 cấp ngày 01/05/2021 cho Lầu Thị R ghi độ tuổi chị R sinh ngày 01/09/1989, nơi thường trú thôn Séo Tỷ, xã K, huyện M, tỉnh Hà Giang cao hơn tuổi của Lầu Thị C1 sinh năm 1993, vì bị hại Cáy đã

được giám định pháp y về xương theo quy định để xác định độ tuổi của chị Lầu Thị C1.

[26] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S phạm tội “*Mua bán trẻ em*”.

2. **Về hình phạt:**

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 Sa đổi năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Lầu Mí C 11 (*mười một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/7/2023).

- Xử phạt bị cáo Ly Mí P 10 (*mười*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/7/2023).

- Xử phạt bị cáo Sùng Mí L 10 (*mười*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/7/2023).

- Xử phạt bị cáo Sùng Mí S 10 (*mười*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/8/2023).

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để bảo đảm thi hành án phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Lầu Thị C1 xác nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác. (Các bị cáo đã bồi thường xong).

4. **Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu của bị cáo Lầu Mí C số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*); - Truy thu của bị cáo Ly Mí P số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*);

- Truy thu của bị cáo Sùng Mí S số tiền 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*);

- Truy thu của bị cáo Sùng Mí L số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) được khấu trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) do chị Thào Thị V nộp thay bị cáo L theo biên lai thu tiền số 000082 ngày 27/2/2024 của Chi cục Thi hành án tỉnh Hà Giang.

5. **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lầu Mí C, Ly Mí P, Sùng Mí L, Sùng Mí S.

6. **Quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; tRi hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC02, PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hà Giang;
- Bộ phận HCTP - TAND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

